

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/KDTM-PT**
Ngày: 23-6-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phụng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải, ông Phạm Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLPT-KDTM ngày 25/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2020/QĐPT-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam

Trụ sở: Số 02 L, quận B, thành phố H.

Người đại diện: Ông Cao Phước T. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, địa chỉ: Số 24, - 26 Q, khóm C 3, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang).

- Bị đơn: Ông Lý Minh T, sinh năm 1971, cư trú: tổ 6, khóm V3, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lý Minh T bị đơn: Luật sư Nguyễn Minh L, thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: 60/ – T, khóm Đ B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1973, cư trú: tổ 6, khóm V3, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Ông Lý Văn M, sinh năm 1930

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1930

Cùng cư trú: tổ 6, khóm V3, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt luật sư L có mặt; Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lý Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn M, bà Huỳnh Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam do ông Cao Phước T đại diện trình bày: Ngày 05/8/2015, Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh thành phố C (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Lý Minh T vay số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích vay: nâng cấp nội thất nhà trọ, thỏa thuận thời hạn trả cuối cùng là ngày 04/8/2016, thỏa thuận lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo số tiền vay, ông Lý Minh T và bà Nguyễn Hồng N có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0629fE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố) C cấp ngày 14/9/2005, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C ký biến động ngày 09/8/2006 cho ông Lý Minh T và bà Nguyễn Hồng N, kèm hồ sơ kỹ thuật khu đất và trang bổ sung số 01, số 02; đất có diện tích 73m² tọa lạc phường N, thành phố C, tỉnh An Giang và căn nhà cấp 3a theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898843032500153 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) cấp ngày 23/02/2009, nhà tọa lạc phường N, thành phố C, tỉnh An Giang theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 8224/HĐTC ngày 05/8/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 2299/NS/2015/HĐTD ngày 05/8/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ trả vốn gốc và lãi theo thỏa thuận, đã cam kết nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng N Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lý Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi, tổng cộng 533.788.888 (năm trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng, trong đó: số tiền gốc là 350.000.000 đồng; tiền lãi đến ngày 17/8/2020 là 183.788.888 đồng (lãi trong hạn từ ngày 06/3/2016 đến ngày 17/8/2020 là 126.466.666 đồng, lãi quá hạn từ ngày 05/8/2016 đến ngày 17/8/2020 là 57.322.222 đồng). Đồng thời, duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 8224/HĐTC ngày 05/8/2015 được ký giữa

Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh thành phố C với ông Lý Minh Th và bà Nguyễn Hồng N để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Lý Minh T trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thời gian vay, vốn vay và nợ vốn, tiền lãi như theo đơn khởi kiện của Ngân hàng. Do tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có nguồn gốc của người anh là Lý Huỳnh Minh Ấ (đang định cư tại nước Mỹ) chuyển tiền về cho ông T mua, xây dựng để cho cha mẹ là ông M, bà H ở và hiện nay ông Ấ có đơn khởi kiện tranh chấp tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà ông T thế chấp cho Ngân hàng và được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đang thụ lý giải quyết. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông T yêu cầu vợ là N cùng có trách nhiệm trả vốn vay, xin không trả tiền lãi và có yêu cầu đưa ông M, bà H, ông Ấ tham gia tố tụng; chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn M, bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày: Ông M, bà H xác định căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà Th thế chấp cho Ngân hàng N Việt Nam là tài sản của Thạch. Hiện nay vợ chồng T ly hôn và T đi làm xa nên ông M, bà H đang ở trên căn nhà này, không tranh chấp về tài sản và không có ý kiến về việc Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng N được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N Việt Nam.

Buộc ông Lý Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N Việt Nam nợ gốc và nợ lãi tổng cộng 533.788.888 (năm trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng, trong đó, vốn vay 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 06/3/2016 đến ngày 17/8/2020 là 126.466.666 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 06/3/2016 đến ngày 17/8/2020 là 57.322.222 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lý Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[2] Tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lý Minh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 8224/HĐTC ngày 05/8/2015 giữa Ngân hàng N Việt Nam với ông Lý Minh T, bà Nguyễn Hồng N theo quy định pháp luật để thi hành án.

[3] Sau khi ông Lý Minh T thanh toán xong toàn bộ số nợ vốn và tiền lãi nêu trên cho Ngân hàng N Việt Nam thì Ngân hàng N Nông thôn Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông T, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0629fE ngày 14/9/2005 và bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 001-53 ngày 23/02/2009 được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp cho ông Lý Minh T, bà Nguyễn Hồng N cùng đứng tên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/9/2020 bị đơn ông Lý Minh T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn M và bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Hồng N và ông Lý Minh T cùng có trách nhiệm trả nợ vay cho nguyên đơn;

- Nhà và đất của ông T, bà N đứng tên đang thế chấp ngân hàng là tài sản của ông Lý Huỳnh Minh A nên không đồng ý việc phát mãi tài sản của ông A để trả nợ riêng cho ông T, bà N.

- Ông T yêu cầu được miễn án phí sơ thẩm vì hiện tại ông rất khó khăn, đi làm thuê sống hàng ngày.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có yêu cầu kháng cáo là ông Lý Minh T, ông Lý Văn M, bà Huỳnh Thị Ngọc H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Nguyễn Minh L trình bày ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc bà N cùng có trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với nguyên đơn là Ngân hàng N Việt Nam; yêu cầu được miễn án phí sơ thẩm vì hiện tại ông rất khó khăn, đi làm thuê sống hàng ngày. Ngoài ra, đề nghị HĐXX phúc thẩm giảm lãi suất cho ông Thạch vì hoàn cảnh khó khăn và xem xét lại phần lãi suất quá hạn do Ngân hàng không khởi kiện ngay từ thời

điểm người vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà để kéo dài thời gian khởi kiện nên mới phát sinh phần lãi quá hạn vượt khả năng thanh toán của người vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Lý Minh T, ông Lý Văn M và bà Huỳnh Thị Ngọc H là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, ông M và bà H, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Lý Minh T, ông Lý Văn M và bà Huỳnh Thị Ngọc H kháng cáo trong hạn luật định và ông T có đóng tạm ứng án phí đầy đủ, ông M và bà H trên 60 tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: ông Lý Minh T, ông Lý Văn M, bà Huỳnh Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi Tòa án xét xử, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, cụ thể:

[2.1] Ông T, ông M và bà H yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét xác định nợ vay 350.000.000 đồng của ngân hàng là nợ chung của vợ chồng khi ông T, bà N chưa ly hôn, buộc vợ chồng cùng liên đới trả nợ cho ngân hàng, thấy: Căn cứ vào giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thể hiện Ngân hàng đã giao số tiền vay vốn của Hợp đồng tín dụng số 2299/NS/2015/HĐTD ngày 05/8/2015 cho ông T. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/6/2020 của ông T cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số vốn gốc là 350.000.000 đồng. Từ đó, đủ cơ sở xác định ông T vay tiền của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng vẫn chưa trả nợ gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 533.788.888 đồng (trong đó, nợ gốc 350.000.000 đồng, lãi trong hạn và lãi quá hạn 183.788.888 đồng) là phù hợp với hợp đồng hai bên ký kết và đúng với quy định pháp luật tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số

2299/NS/2015/HĐTD ngày 05/8/2015 chỉ có ông T ký tên vay tiền của Ngân hàng, bà N không ký tên vay trong Hợp đồng này. Tại đơn khởi kiện cũng như tại các phiên tòa có mặt người đại diện của Ngân hàng xác định chỉ khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp ông T không có khả năng trả nợ thì sẽ xử lý tài sản chung của vợ chồng ông T, bà N để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông T theo Hợp đồng thế chấp. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông T, ông M và bà H về nội dung này là không có cơ sở để HĐXX phúc thẩm xem xét khác.

[2.2] Về Hợp đồng thế chấp ông T, ông M và bà H kháng cáo cho rằng nhà và đất mà ông T, bà N đang thế chấp tại Ngân hàng là của ông Lý Huỳnh Minh Á, không đồng ý việc phát mãi tài sản của ông Á để trả nợ riêng của ông T, bà N; Xét thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thành phố C cấp cho ông T, bà N đứng tên. Ông Á không có đơn tranh chấp đối với tài sản thế chấp này và ông T, ông M, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản thế chấp là của ông Á. Bên cạnh đó, tại Bản án số 24/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chỉ giải quyết tranh chấp đòi tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông Á đối với ông T, do đó ông Á không liên quan gì đến tài sản thế chấp tại Ngân hàng nên ông Á không liên quan gì trong vụ án này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc trường hợp ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 8224/HĐTC ngày 05/8/2015 giữa ngân hàng với ông Lý Minh T, bà Nguyễn Hồng N là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu kháng cáo này không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Ông T kháng cáo yêu cầu được miễn án phí sơ thẩm vì hiện tại ông rất khó khăn, đi làm thuê sống hàng ngày, xét thấy: ông T không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngoài ra, ông T không có đơn đề nghị miễn án phí và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí. Vì vậy, ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Cho nên, yêu cầu kháng cáo này của ông Thạch không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư L người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T yêu cầu giảm lãi suất cho ông T vì hoàn cảnh của ông T khó khăn và xem xét lại phần lãi suất quá hạn do Ngân hàng không khởi kiện ngay từ thời điểm người vay vi phạm nghĩa vụ mà để kéo dài thời gian khởi kiện nên mới phát sinh phần lãi quá hạn nên vượt khả năng thanh toán của người vay, xét thấy phát sinh lãi suất quá hạn không xuất phát từ việc Ngân hàng khởi kiện sớm hay muộn mà nó được tính do người vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bên cho vay và việc Ngân hàng khởi kiện vào thời gian nào đây là quyền của bên Ngân hàng, pháp luật không quy định khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả

nợ đối với bên cho vay thì buộc bên cho vay phải khởi kiện ngay thời điểm đó để không phát sinh lãi quá hạn như nội dung trình bày của Luật sư là không có căn cứ. Ông T xác định còn nợ Ngân hàng số vốn gốc 350.000.000 đồng nên phải chịu lãi suất trên số tiền này theo Hợp đồng tín dụng ông T đã ký kết với Ngân hàng là phù hợp, đối với yêu cầu giảm lãi suất thì phải có ý kiến của nguyên đơn, nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt nên HĐXX phúc thẩm không thể xem xét yêu cầu này cho ông T.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N Việt Nam nợ gốc và nợ lãi tổng cộng 533.788.888 đồng, duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là có căn cứ. Do đó, HĐXX phúc thẩm không có cơ sở để xem xét khác, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của ông T, ông M và bà H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lý Minh Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Lý Văn M và bà Huỳnh Thị Ngọc H trên 60 tuổi có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Minh T, ông Lý Văn M và bà Huỳnh Thị Ngọc H.

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc ông Lý Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N Việt Nam nợ gốc và nợ lãi tổng cộng 533.788.888 (năm trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng, trong đó, vốn vay 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 06/3/2016 đến ngày 17/8/2020 là 126.466.666 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 06/3/2016 đến ngày 17/8/2020 là 57.322.222 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lý Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[2] Tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lý Minh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 8224/HĐTC ngày 05/8/2015 giữa Ngân hàng N Việt Nam với ông Lý Minh T, bà Nguyễn Hồng N theo quy định pháp luật đề thi hành án.

[3] Sau khi ông Lý Minh T thanh toán xong toàn bộ số nợ vốn và tiền lãi nêu trên cho Ngân hàng N Việt Nam thì Ngân hàng N Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông T, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0629fE ngày 14/9/2005 và bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 001-53 ngày 23/02/2009 được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp cho ông Lý Minh T, bà Nguyễn Hồng N cùng đứng tên.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng N Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 12.279.907 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003696 ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Lý Minh T phải chịu 25.351.556 (*hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi một nghìn năm trăm năm mươi sáu*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Lý Minh T phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) theo biên lai thu số 0004008 ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND TP. Châu Đốc (1)
- THA TP. Châu Đốc (1)
- Tòa KT (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng

